

Nâng cao hiệu quả công tác thu thuế

NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG

Việt Nam đã gia nhập WTO, thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan theo lộ trình đã ký kết. Nguồn thu thuế sẽ bị sụt giảm trong những năm tới. Nâng cao hiệu quả công tác thu thuế là giải pháp cần thiết nhằm thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài và cải thiện nguồn thu chính phủ trong những năm trước mắt.

Hiệu quả thu thuế là: "Hiệu suất và thành quả về các mặt như tổ chức thu nhập, điều tiết kinh tế và giám sát đơn đốc quản lý mà Nhà nước giành được bằng cách đầu tư hoặc tiêu tốn vào ngành thuế. Nó được phản ánh một cách tập trung quan trọng giữa đầu vào và đầu ra trong quá trình phân phối thuế thu."⁽¹⁾

Hiệu quả thu thuế có thể hiểu trên các yếu tố cấu thành sau:

- Hiệu quả của hệ thống cơ chế chính sách thuế;
- Hiệu quả trong quản lý thu thuế;
- Hiệu quả trong tổ chức bộ máy quản lý thu thuế.

1- Hiệu quả của hệ thống thu thuế ở Việt Nam

1.1- Cơ chế chính sách thuế

Sau 3 lần cải cách thuế từ năm 1990, đến

nay Việt Nam đã hình thành hệ thống chính sách thuế tương đối hoàn chỉnh, bao quát được hầu hết các nguồn thu, áp dụng thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế và từng bước thích ứng với yêu cầu chuyển đổi nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhìn chung, công tác thuế đã có những bước tiến đáng kể trong những năm vừa qua. Theo những đánh giá của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), đối với hai sắc thuế chiếm tỷ lệ lớn trong GDP của Việt Nam hiện nay là Thuế Giá trị gia tăng và Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã thu được những hiệu quả đáng kể so với những quốc gia có cùng mức độ phát triển với Việt Nam. Hiệu quả thu thuế được đánh giá trên khía cạnh là doanh thu về thuế (được tính bằng phần trăm trên GDP) cho mỗi phần trăm của thuế suất thuế. Sự thiết kế hệ thống thuế tốt, mức độ hiệu quả trong hệ thống quản lý và cấu trúc của nền kinh tế là những yếu tố chính tạo nên tính hiệu quả thu thuế cao. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hiệu quả thu thuế đối với các sắc thuế chưa thực cao so với các nước trong khu vực và thế giới.

BẢNG 1: Hiệu quả thuế thu nhập công ty của một số quốc gia

Quốc gia	DT thuế TNDN (% trên GDP)	Thuế suất thuế TNDN theo luật		Hiệu quả thuế TNDN (DT/TS)
		DN trong nước	DN nước ngoài	
Campuchia	0,6	9, 20, 30	9, 20, 30	0,03
Indônêxia	2,7	10, 15, 30	10, 15, 30	0,09
Lào	1,4	35	20	0,04
Malaixia	8,9	28, 38	28, 38	0,20
Philippin	2,5	32	32	0,08
Xingapo	5,2	24, 5	24, 5	0,21
Thái Lan	2,9	20, 25, 30	20, 25, 30	0,10
Bình quân				0,11
Việt Nam	5,4	15, 20, 25, 32, 50	10, 15, 20, 25, 50	0,09

Nguồn: IMF (2006).

Nguyễn Thị Mai Phương, Th.s, Viện Khoa học tài chính.
(1). Lý Văn Phú - Đại từ điển Kinh tế thị trường - Viện Nghiên cứu và phổ biến tri thức bách khoa - Hà Nội - 1998.

Với con số 0,09 chỉ ra rằng, hiệu quả thu thuế thu nhập công ty ở Việt Nam chỉ cao hơn một số quốc gia như Lào, Philippin, tuy thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác như Malaixia, Xingapo...

Đối với VAT, chỉ số hiệu quả 0,54 cho thấy mức độ hiệu quả cao trong thu thuế VAT ở

Việt Nam, có thể so sánh với một số quốc gia như Xingapo và Niu Dilân, hai quốc gia được xem như có một hệ thống VAT được thiết kế tốt nhất và một hệ thống quản lý thuế hiệu quả. Chỉ số 0,54 cao hơn mức trung bình của châu Mỹ Latinh (0,3), các nước Đông Âu (0,35), các nước Tây Âu (0,5).

BẢNG 2: Hiệu quả thu VAT của các quốc gia

Quốc gia	Doanh thu VAT (% của GDP)	Thuế suất VAT (%)	Hiệu quả (doanh thu/thuế suất)
Campuchia	2,7	10	0,27
Indônêxia	3,5	5, 10, 15	0,35
Phillippin	2,9	10	0,29
Xingapo	1,4	3	0,47
Thái Lan	2,6	7	0,37
Bình quân			0,35
Việt Nam	5,4	5, 10, 20	0,54

Nguồn: IMF (2006), thuế suất được in đậm trong bảng là thuế suất chủ yếu

Tuy nhiên, theo đánh giá của IMF, một trong những lý do có thể gây tranh cãi và giải thích cho chỉ số hiệu quả cao trong việc thu VAT là sự đánh trùng VAT đối với cùng một hàng hóa có thể xảy ra trong quá trình quản lý thu thuế tại Việt Nam. Một hàng hóa có thể bị đánh thuế nhiều hơn một lần do phương thức hoàn thuế chưa được hoàn chỉnh và có tới hai phương thức tính thuế VAT trong hệ thống thuế hiện hành. Sự thiếu chuẩn xác trong thiết kế một số sắc thuế như thuế tài sản, bảo hiểm nhân thọ có thể là nguyên nhân đóng góp vào chỉ số cao trong hiệu quả thu VAT.

Mặt khác, hiệu quả trong quản lý thu thuế và cấu trúc của nền kinh tế là những nhân tố quan trọng tạo nên tính hiệu quả

trong công tác thu thuế. Tại Việt Nam, hệ thống quản lý thu thuế được thiết kế theo ngành dọc từ trung ương xuống các tỉnh, quận, huyện và sự phân cấp mạnh mẽ trong hệ thống chỉ tiêu cho chính quyền địa phương có thể mang lại tính hiệu quả hơn phương thức quản lý thuế theo các đại lý hành chính như một số quốc gia khác có trình độ phát triển gần giống như Việt Nam. Tuy nhiên, xác định nhân tố này còn chưa được rõ ràng.

Đứng về mặt tổng thể, so sánh với các nước khác, hệ thống thuế Việt Nam còn nhiều bất cập cần phải sửa đổi. Số lượng thuế phải nộp khá nhiều; thời gian nộp thuế dài hơn; phần trăm thuế phải nộp lớn hơn so với các nước trong khu vực.

BẢNG 3: Thống kê về nộp thuế 2006

	Việt Nam	Khu vực	OECD
Số lượng	44	28,2	16,3
Thời gian (h)	1.050	249,9	197,2
% Phải nộp trên tổng lợi nhuận	31,5	31,2	45,2

Nguồn: Explore Topic - Doing Business - The World Bank Group 2006.

• *Hệ thống chính sách thuế hiện nay vẫn còn phức tạp và thiếu tính ổn định*

Chẳng hạn, việc quy định quá nhiều mức thuế suất trong mỗi sắc thuế, nhiều chế độ ưu đãi, miễn giảm khác nhau. Chính sự phức tạp này làm cho chi phí quản lý thu thuế lớn, ảnh hưởng tới hiệu quả thu thuế - xét từ góc độ cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho việc trốn, lậu thuế, gây thất thu cho ngân sách nhà nước (NSNN) - xét từ góc độ người nộp thuế. Mặt khác, do sự phức tạp và thiếu tính ổn định của hệ thống thuế đã gây rất nhiều khó khăn cho các nhà đầu tư khi đưa ra các quyết định. Sự không minh bạch này vi phạm một nguyên tắc chung của thông lệ quốc tế là tính rõ ràng và có thể dự đoán trước của hệ thống chính sách thuế. Hơn nữa, việc thường xuyên thay đổi trong chính sách thuế, quy định không rõ ràng về phạm vi của các sắc thuế và trong một sắc thuế có quá nhiều thuế suất, nhiều chế độ ưu đãi, miễn giảm khác nhau đã cản trở quá trình hội nhập quốc tế trên các phương diện: khuyến khích xuất khẩu, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng chung tới sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam.

• *Chưa đảm bảo tính trung lập trong các sắc thuế do còn lồng ghép nhiều mục tiêu*

Việc kết hợp các mục tiêu của chính sách xã hội trong các sắc thuế xét về khía cạnh xã hội là cần thiết, tuy nhiên những mục tiêu này cần phải được kết hợp sao cho hài hòa, không mâu thuẫn để có thể tạo ra các sắc thuế thống nhất, minh bạch, rõ ràng, hiệu quả. Trên thực tế, các mục tiêu thường không đồng điệu và hỗ trợ nhau mà thường trái ngược nhau, làm ảnh hưởng tới tính hiệu quả của sắc thuế. Ví dụ như trường hợp thuế xuất nhập khẩu. Một trong những mục tiêu của thuế xuất nhập khẩu là mở rộng quan hệ thương mại thì lại trở nên mâu thuẫn với mục tiêu bảo hộ đối với sản xuất trong nước. Thêm vào đó, mục tiêu hướng dẫn tiêu dùng trong nước và bảo vệ sản xuất

trong nước dẫn tới việc phải áp dụng nhiều mức thuế suất khác nhau, gây ra sự phức tạp cho biểu thuế, làm ảnh hưởng tới công tác quản lý thu và nộp thuế, từ đó ảnh hưởng tới nguồn thu của ngân sách nhà nước...

• *Thiếu sự kết hợp hài hòa giữa các sắc thuế trong hệ thống chính sách thuế*

Cần có sự tính toán cân đối giữa mục tiêu đảm bảo số thu cho ngân sách nhà nước và mục tiêu kích thích phát triển sản xuất và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Nếu quá ưu tiên mục tiêu huy động cho số thu để quy định mức thuế quá cao sẽ tạo gánh nặng cho các nhà sản xuất mà không có tác dụng khuyến khích sản xuất kinh doanh. Việc phân định theo cơ cấu cân đối, ổn định giữa các loại thuế thu nhập, thuế tiêu dùng và thuế tài sản cũng như giữa các sắc thuế trong từng loại thuế này vẫn còn chưa được rõ nét, đặc biệt là đối với thuế tài sản. Theo kinh nghiệm của các nước, thuế tài sản là nguồn thu quan trọng và ổn định của ngân sách địa phương. Trong cơ cấu hệ thống chính sách thuế Việt Nam, các loại thuế về tài sản còn chưa được chú trọng. Một số loại thuế tài sản như thuế bất động sản, thuế thừa kế còn chưa được đề cập trong hệ thống chính sách thuế.

Trong điều kiện mở cửa hội nhập và gia nhập WTO, hệ thống chính sách thuế phải được sửa đổi cho phù hợp với các nguyên tắc của tổ chức này, đồng thời phải đảm bảo được nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tăng cường sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước, đồng thời phải có sự bảo hộ hợp lý cho một số ngành then chốt trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

• *Cơ cấu thu thuế còn bất hợp lý*

Cơ cấu số thu của hệ thống thuế Việt Nam vẫn chưa đảm bảo tính cân đối phù hợp với trào lưu chung của các nước trên thế giới. Tỷ lệ số thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với mức trung bình của các nước đang phát triển

(18%), kể cả các nước đang phát triển có thu nhập thấp cùng loại; trong khi đó tỷ trọng số thu thuế thu nhập doanh nghiệp đang ở mức rất cao (24,4% tổng số thu ngân sách từ thuế, phí và lệ phí); bên cạnh đó, tỷ trọng của thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác (thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, phí xăng dầu, phí và lệ phí khác...) cũng còn khá cao. Nói cách khác, gánh nặng thuế đối với doanh nghiệp còn khá lớn, điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của hệ thống thuế Việt Nam so với các nước.

Thu ngân sách nhà nước vẫn còn phụ thuộc khá lớn vào nguồn thu từ dầu thô (chiếm 23,3% tổng thu ngân sách nhà nước) mặc dù đã có sự giảm nhiều so với trước đây. Tỷ trọng thu ngân sách nhà nước từ hai khoản dầu thô và thuế xuất

nhập khẩu đã giảm từ 47,4% năm 2001 xuống 46,9% năm 2002, 45,9% năm 2003 và chỉ còn 43,7% tổng thu ngân sách nhà nước năm 2004, tăng dần tỷ trọng các nguồn thu từ kinh tế trong nước.

1.2- Công tác quản lý thu thuế

Về thủ tục quản lý thuế: thủ tục quản lý thuế còn lạc hậu, chưa phù hợp với cơ chế quản lý mới. Cụ thể như thời hạn cấp mã số thuế quy định là 10 ngày còn quá dài; thủ tục mua hóa đơn còn phức tạp, chưa thực sự khuyến khích việc sử dụng hóa đơn trong các giao dịch...

Thời gian nộp thuế: thời gian hoàn thành việc nộp thuế là quá dài so với các quốc gia trên thế giới và khu vực (1050 giờ, gấp hơn 20 lần so với Thái Lan, gấp 35 lần so với Xingapo, gấp hơn 10 lần so với Australia...)

BẢNG 4: So sánh chỉ số về thu nộp thuế ở một số quốc gia

Quốc gia	Số lượng thuế đã trả	Thời gian (h)	Tổng số thuế phải trả (% trên tổng lợi nhuận)
Australia	12	107	37,0
Banglăđét	17	640	50,4
Trung Quốc	34	584	46,9
Ấn Độ	59	264	43,2
Indônêxia	52	560	38,8
Nhật Bản	26	315	34,6
Malaixia	27	121	11,6
Philippin	62	94	46,4
Xingapo	16	30	19,5
Thái Lan	44	52	29,2
Đài Loan	15	296	23,6
Việt Nam	44	1050	31,5

Nguồn: Explore Topic – Doing Business – The World Bank Group 2006

- Để thành lập một doanh nghiệp tại Việt Nam, số lượng hồ sơ thuế cần nhiều nhất so với các nước trong khu vực và thế giới (Việt Nam cần 3 loại thủ tục trong khi các nước chỉ cần 1 hoặc 2 loại thủ tục về thuế). Toàn bộ thời gian để hoàn thành thủ tục thành

lập doanh nghiệp ở Việt Nam là 50 ngày thì việc hoàn thành các thủ tục về thuế chiếm tới 30 ngày trong khi các nước khác trong khu vực như Malaixia, Xingapo, Australia, chỉ có 1 ngày, Mỹ, Nhật phải tốn 2 ngày... Chi phí cho các thủ tục về thuế là khá lớn

tới 188,9 USD trong khi các nước khác không tốn kém bất kỳ chi phí nào khi thành lập doanh nghiệp. Điều này là một trở ngại rất lớn cho môi trường đầu tư và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam khi gia nhập WTO. Các chi phí về thời gian

dành cho việc hoàn thành các thủ tục về thuế, chi phí thuê cố vấn thuế... là những chi phí cơ hội trong quá trình kinh doanh, làm tăng chi phí doanh nghiệp đồng thời làm giảm hiệu quả quản lý thu thuế của ngành thuế.

BẢNG 5: Thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam

Quốc gia	Số lượng hồ sơ phải nộp		Thời gian (ngày)		Chi phí (USD)	
	Toàn bộ	Số lượng hồ sơ thuế	Toàn bộ	Thời gian hoàn thành các thủ tục về thuế	Chi phí toàn bộ	Chi phí cho các thủ tục về thuế
Việt Nam	11	3	50	30	276,1	188,9
Thái Lan	8	1	33	2	159	0
Indônêxia	12	2	97	14	1109,7	0
Malaixia	9	1	30	1	976	0
Xingapo	6	1	6	1	228,8	0
Australia	2	1	2	1	590	0
Nhật Bản	8	2	23	2	2929,6	0
Mỹ	5	2	5	2	285,7	0

Nguồn: Explore Topic - Doing Business - The World Bank Group 2006

Việc thanh tra thuế, kiểm tra thuế chưa dựa trên cơ sở phân loại đối tượng nộp thuế theo mức độ tuân thủ pháp luật, chưa có tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế, công tác thanh tra, kiểm tra thuế còn mang tính thủ công, tình trạng lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra còn tràn lan, vừa gây phiền hà cho cơ sở kinh doanh, vừa tốn kém cho cơ quan thuế; hiệu quả thanh tra, kiểm tra thuế không cao. Điều này rất dễ gây phản ứng trong cộng đồng các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư nước ngoài về tính minh bạch của cơ sở tiến hành thanh tra, kiểm tra. Đây cũng là nội dung mâu thuẫn với quy định của WTO về tính minh bạch và khả năng dự báo trước.

Về tổ chức, cán bộ: tổ chức bộ máy quản lý thuế ở các Cục Thuế vẫn nghiêng về quản lý các đối tượng nộp thuế. Các bộ phận thực hiện nhiệm vụ trọng tâm như: bộ phận tuyên truyền và hỗ trợ đối tượng nộp

thuế, bộ phận thanh tra, bộ phận tin học chưa trở thành lực lượng chủ yếu của hệ thống quản lý thuế.

Đội ngũ cán bộ thuế nhìn chung trình độ còn bất cập so với yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế, còn chưa phù hợp với yêu cầu hội nhập, chưa thích hợp với công nghệ quản lý mới. Ý thức trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật, phong cách ứng xử của một bộ phận cán bộ thuế chưa đáp ứng yêu cầu của công việc cải cách hành chính thuế và đổi mới công tác quản lý thuế.

Về công tác tin học: hiện chưa có một hệ thống công nghệ thông tin đủ mạnh và toàn diện để tự động hóa quy trình nghiệp vụ. Thêm vào đó, không có chính sách và quy định rõ ràng liên quan tới kết nối các hệ thống của các ngành có liên quan như thuế, hải quan, kho bạc,... với các bên liên quan khác như các hãng vận chuyển, cảng vụ, kho hàng, người khai... dẫn tới việc thiếu

thông tin cho hoạt động phân tích, đánh giá rủi ro, tình trạng doanh nghiệp, gây khó khăn cho việc xác định số thuế phải nộp, kiểm tra chéo...

2- Giải pháp nâng cao hiệu quả thu thuế

2.1- Hoàn thiện cơ chế chính sách thuế

• Hoàn thiện các loại thuế gián thu

Để nâng cao hiệu quả của thuế GTGT, cần chú trọng hoàn thiện các nội dung sau:

(i) Mở rộng đối tượng chịu thuế, giảm bớt số nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế nhằm ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước và tạo điều kiện cho việc tính thuế, khấu trừ thuế được liên hoàn giữa các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh, giảm chi phí cho doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam.

(ii) Xây dựng mức ngưỡng miễn thuế trên doanh thu thay cho ngưỡng miễn thuế tính theo thu nhập tối thiểu hiện hành;

(iii) Xây dựng lộ trình thích hợp để tiến tới áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế GTGT, đó là phương pháp khấu trừ

(iv) Tối thiểu hóa các mức thuế suất để đơn giản hóa tính thuế: áp dụng thống nhất thuế suất tiêu chuẩn 10% theo mức chung với các nước trong khu vực, xoá bỏ mọi phân biệt đối xử về thuế suất; trong khi vẫn duy trì thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu;

(v) Xây dựng các tiêu chuẩn rõ ràng về điều kiện hoàn thuế, đơn giản hóa quy trình thủ tục và cải tiến phương pháp hoàn thuế để đảm bảo tính kịp thời và chính xác.

• Về chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt

Chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt cần được cải cách phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế về loại trừ những phân biệt đối xử đối với bia, rượu, thuốc lá và ô tô. Phạm vi áp dụng cũng cần mở rộng, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách, đồng thời đảm bảo việc quản lý, điều tiết, hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng hàng cao cấp, xa xỉ

như rượu, bia, thuốc lá, dịch vụ kinh doanh casino, đua ngựa, sân golf... Bên cạnh đó, cần có lộ trình loại bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt các loại hàng hóa, dịch vụ có doanh số nhỏ hoặc khó có khả năng tổ chức quản lý thu. Về thuế suất, cần nghiên cứu, áp dụng thuế suất hợp lý đối với các mặt hàng nhằm mục tiêu điều tiết, định hướng sản xuất, tiêu dùng; đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và phù hợp với lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu. Việc nghiên cứu, áp dụng thuế tuyệt đối cũng là những đòi hỏi cấp thiết để đảm bảo tính đơn giản và hữu hiệu trong việc chống gian lận thương mại và trốn thuế. Xóa bỏ, miễn giảm thuế tiêu thụ đặc biệt để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ thuế và nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

• Về chính sách thuế xuất nhập khẩu

Hướng hoàn thiện là khuyến khích tối đa xuất khẩu, thực hiện cam kết quốc tế; đồng thời bảo hộ sản xuất trong nước có chọn lọc, có thời hạn trong thời gian chưa phải cam kết giảm thuế theo cam kết quốc tế, góp phần tăng cường quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, chống lại các biện pháp trợ giá, bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam và phân biệt đối xử với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra thị trường thế giới.

• Thuế trực thu:

- *Định hướng sửa đổi của thuế thu nhập doanh nghiệp* là giảm nghĩa vụ thuế, tăng tích tụ vốn, khuyến khích đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu. Thống nhất nghĩa vụ thuế giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- *Các chính sách thuế liên quan đến đất đai* phải nhằm góp phần quản lý, sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, đồng thời tăng tỷ trọng các khoản thu này trong tổng thu ngân sách nhà nước. Theo hướng trên, mọi tổ chức, cá nhân sử dụng đất, phải nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, nộp thuế sử dụng đất. Mọi hoạt động chuyển nhượng đất phải được điều tiết vào ngân sách nhà nước.

- *Tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên* để tăng cường bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên có hiệu quả, tiết kiệm. Thuế tài nguyên được hoàn thiện theo hướng: mở rộng diện chịu thuế tài nguyên trên nguyên tắc đối với tất cả các loại tài nguyên thiên nhiên khai thác đều chịu thuế. Tính trên sản lượng khai thác để khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên có hiệu quả. Mức thuế suất thuế tài nguyên được phân biệt theo loại tài nguyên thiên nhiên. Tài nguyên không tái tạo lại được chịu thuế suất cao hơn tài nguyên thông thường.

• *Thuế bảo vệ môi trường*

Theo chương trình cải cách thuế đến năm 2010 đã được phê duyệt, Luật thuế bảo vệ môi trường sẽ được nghiên cứu và ban hành trong giai đoạn khoảng năm 2010. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế xã hội nước ta hiện nay và trong thời gian tới, chưa thể quy định riêng một loại thuế bảo vệ môi trường mà chỉ có thể quy định khung pháp lý nói chung. Mục tiêu bảo vệ môi trường cần được nghiên cứu và quy định vào trong các sắc thuế hiện có như thuế sử dụng đất, thuế tài nguyên, phí xăng dầu...

2.2- Hoàn thiện công tác quản lý hành chính thuế

Để nâng cao hiệu quả thu thuế của các doanh nghiệp, hoàn thiện công tác quản lý hành chính thuế đóng vai trò vô cùng quan trọng có tính chất quyết định. Mục tiêu cuối cùng của công tác quản lý hành chính thuế đó là quản lý được tất cả các đối tượng nộp thuế, khai thác triệt để các khoản thu về thuế, chống thất thu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước với mức chi phí hợp lý.

Để đảm bảo mục tiêu nêu trên, cần tăng cường công tác quản lý thuế trên các lĩnh vực chủ yếu sau: cải cách các thủ tục hành chính về thuế; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục và cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế để nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của người nộp thuế. Tăng

cường công tác thanh tra, kiểm tra về thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế. Áp dụng rộng rãi công nghệ tin học vào công tác quản lý thuế để giảm chi phí quản lý thu của cơ quan thuế và tăng cường hiệu quả quản lý thuế. Kiện toàn hệ thống quản lý thu thuế theo hướng cải cách hành chính thuế, nâng cao quyền hạn, trách nhiệm và hiệu lực của bộ máy quản lý thuế.

2.3- Kiện toàn đội ngũ cán bộ thuế

Để đạt được hiệu quả thu thuế cao, xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng - đặc biệt trong bối cảnh hiện nay. Cần xây dựng công tác quản lý cán bộ theo hướng quy định rõ trách nhiệm của từng loại cán bộ trên từng vị trí công tác. Đánh giá cán bộ chủ yếu căn cứ vào kết quả công tác, số lượng và chất lượng công việc được giao. Cần xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực cán bộ thuế. Có kế hoạch và lộ trình đào tạo và đào tạo lại cán bộ thuế theo yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý thuế trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Tăng cường giáo dục nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp thuế, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phong cách ứng xử của người cán bộ thuế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. WTO thương mại đầu tư Việt Nam trong tiến trình hội nhập - Bộ Thương mại Việt Nam, 2006.
<http://WWW.doingbusiness.org>
2. The collection efficiency of the value added tax: theory and international evidence - Working paper 11539 Joshua Aizenman Yothin Jinjarak
<http://www.nber.org/paper/w11539>- National bureau of economic research - Cambridge, MA 02138 August 2005
3. Prema-chandra Athukorala (April 2005). "Trade Policy Reforms and the Structure of Protection in Vietnam".
4. Báo cáo tổng kết công tác thuế của ngành thuế năm 2005, 2006.

- *Tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên* để tăng cường bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên có hiệu quả, tiết kiệm. Thuế tài nguyên được hoàn thiện theo hướng: mở rộng diện chịu thuế tài nguyên trên nguyên tắc đối với tất cả các loại tài nguyên thiên nhiên khai thác đều chịu thuế. Tính trên sản lượng khai thác để khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên có hiệu quả. Mức thuế suất thuế tài nguyên được phân biệt theo loại tài nguyên thiên nhiên. Tài nguyên không tái tạo lại được chịu thuế suất cao hơn tài nguyên thông thường.

• *Thuế bảo vệ môi trường*

Theo chương trình cải cách thuế đến năm 2010 đã được phê duyệt, Luật thuế bảo vệ môi trường sẽ được nghiên cứu và ban hành trong giai đoạn khoảng năm 2010. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế xã hội nước ta hiện nay và trong thời gian tới, chưa thể quy định riêng một loại thuế bảo vệ môi trường mà chỉ có thể quy định khung pháp lý nói chung. Mục tiêu bảo vệ môi trường cần được nghiên cứu và quy định vào trong các sắc thuế hiện có như thuế sử dụng đất, thuế tài nguyên, phí xăng dầu...

2.2- Hoàn thiện công tác quản lý hành chính thuế

Để nâng cao hiệu quả thu thuế của các doanh nghiệp, hoàn thiện công tác quản lý hành chính thuế đóng vai trò vô cùng quan trọng có tính chất quyết định. Mục tiêu cuối cùng của công tác quản lý hành chính thuế đó là quản lý được tất cả các đối tượng nộp thuế, khai thác triệt để các khoản thu về thuế, chống thất thu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước với mức chi phí hợp lý.

Để đảm bảo mục tiêu nêu trên, cần tăng cường công tác quản lý thuế trên các lĩnh vực chủ yếu sau: cải cách các thủ tục hành chính về thuế; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục và cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế để nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của người nộp thuế. Tăng

cường công tác thanh tra, kiểm tra về thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế. Áp dụng rộng rãi công nghệ tin học vào công tác quản lý thuế để giảm chi phí quản lý thu của cơ quan thuế và tăng cường hiệu quả quản lý thuế. Kiện toàn hệ thống quản lý thu thuế theo hướng cải cách hành chính thuế, nâng cao quyền hạn, trách nhiệm và hiệu lực của bộ máy quản lý thuế.

2.3- Kiện toàn đội ngũ cán bộ thuế

Để đạt được hiệu quả thu thuế cao, xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng - đặc biệt trong bối cảnh hiện nay. Cần xây dựng công tác quản lý cán bộ theo hướng quy định rõ trách nhiệm của từng loại cán bộ trên từng vị trí công tác. Đánh giá cán bộ chủ yếu căn cứ vào kết quả công tác, số lượng và chất lượng công việc được giao. Cần xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực cán bộ thuế. Có kế hoạch và lộ trình đào tạo và đào tạo lại cán bộ thuế theo yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý thuế trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Tăng cường giáo dục nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp thuế, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phong cách ứng xử của người cán bộ thuế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. WTO thương mại đầu tư Việt Nam trong tiến trình hội nhập - Bộ Thương mại Việt Nam, 2006.
<http://WWW.doingbusiness.org>
2. The collection efficiency of the value added tax: theory and international evidence - Working paper 11539 Joshua Aizenman Yothin Jinjarak <http://www.nber.org/paper/w11539>- National bureau of economic research - Cambridge, MA 02138 August 2005
3. Prema-chandra Athukorala (April 2005), "Trade Policy Reforms and the Structure of Protection in Vietnam".
4. Báo cáo tổng kết công tác thuế của ngành thuế năm 2005, 2006.